

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DS-ST

Ngày: 13-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước

2. Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Hồng P**, Địa chỉ: Khu dân cư T, Khóm A, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh Ph**, Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng – Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02-4-2018. (có mặt)

2. *Bị đơn:*

- Ông **Nguyễn Quốc V** (vắng mặt)

- Bà **Mai Thị Đ** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường T, Khóm B, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-3-2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Vĩnh Ph trình bày:

Ông Nguyễn Hồng P và ông Nguyễn Quốc V cùng vợ là bà Mai Thị Đ có mối quan hệ quen biết với nhau. Vào năm 2014, do có nhu cầu vay tiền để kinh doanh nên vợ chồng ông V có hỏi vay của ông P một số tiền. Do là chỗ quen biết với nhau, mặt khác khi đó ông V cũng có công việc ổn định trong ngành Công an của tỉnh Sóc Trăng nên ông P có cho vợ chồng ông V vay số tiền là 200.000.000 đồng và không tính lãi suất. Việc vay tiền có lập thành biên nhận vào ngày 28-02-2014 và cam kết trong vòng 30 ngày sẽ trả lại cho ông P. Biên nhận do ông V trực tiếp ký tên còn bà Đ thì cũng biết việc vay tiền của ông V. Sau đó, khi đã đến hạn thanh toán, ông P có yêu cầu vợ chồng ông V trả lại cho ông P số tiền vốn vay nhưng vợ chồng ông V đều kiếm cớ để thoái thác trách nhiệm thanh toán cho ông P.

Đến năm 2017, vợ chồng ông V lại tiếp tục liên hệ với ông P vay thêm số tiền là 200.000.000 đồng để làm vốn làm ăn. Việc vay tiền này cũng được lập thành giấy hẹn vào ngày 22-4-2017 và cam kết đến ngày 15-5-2017 sẽ trả lại cho ông P. Giấy hẹn do ông V trực tiếp ký tên còn bà Đ thì cũng biết được vay tiền này. Sau đó, khi đến hạn thanh toán thì vợ chồng ông V cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông P.

Tuy nhiên, do trong quá trình lưu giữ thì ông P đã làm mất bản chính biên nhận ngày 28-02-2014 nên không thể cung cấp được cho Tòa án. Do đó, xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện là chỉ buộc ông V trả số tiền nợ là 200.000.000 đồng theo giấy hẹn ngày 22-4-2017 và không yêu cầu bà Đ có trách nhiệm cùng với ông V thanh toán tiền nợ vay cho ông P.

Nay ông Nguyễn Hồng P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc V có trách nhiệm thanh toán số tiền đã nợ cho ông P là 200.000.0000 đồng theo giấy hẹn ngày 22-4-2017 và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn đều vắng mặt và không có ý kiến gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, việc

thu thập chứng cứ cũng như gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung do tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông V trả số tiền nợ là 200.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 28-02-2014 và buộc bà Đ có trách nhiệm cùng với ông V thanh toán tiền nợ vay cho nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này. Còn đối với yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn buộc bị đơn ông V phải trả số tiền nợ là 200.000.0000 đồng theo giấy hẹn ngày 22-4-2017 cho nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Hồng P yêu cầu ông Nguyễn Quốc V và bà Mai Thị Đ cùng nơi cư trú Số 22 đường Trương Văn Quới, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền nợ vay là 400.000.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự và quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị đơn là ông Nguyễn Quốc V và bà Mai Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Quốc V và bà Mai Thị Đ.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Vĩnh Phong xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc V, bà Mai Thị Đ trả số tiền nợ là 200.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 28-02-2014 và buộc bà Mai Thị Đ có trách nhiệm cùng với ông Nguyễn Quốc V thanh toán tiền nợ vay cho nguyên đơn, do việc rút lại yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 219 và khoản 2 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội

đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn và nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Quốc V trả số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng theo Giấy hẹn đề ngày 22-4-2017, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai cho ông V nhưng ông V không có kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và không tham gia phiên họp nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông P đã cung cấp bản chính tờ Giấy hẹn đề ngày 22-4-2017 do ông V ký tên, với nội dung thể hiện ông V đã mượn của ông P số tiền là 200.000.000 đồng hẹn đến ngày 15-5-2017 sẽ trả lại nhưng đến nay vẫn chưa trả số tiền trên cho ông P. Do đó, ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 351; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Từ những cơ sở trên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P buộc bị đơn ông V trả số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng theo Giấy hẹn đề ngày 22-4-2017 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 219; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng P đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn là ông Nguyễn Quốc V và bà Mai Thị Đ trả số tiền nợ là 200.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 28-02-2014 và yêu cầu buộc bà Mai Thị Đ có trách nhiệm cùng với ông Nguyễn Quốc V thanh toán tiền nợ vay cho nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng P.

Ông Nguyễn Hồng P được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P. Buộc ông Nguyễn Quốc V trả cho ông Nguyễn Hồng P số tiền là 200.000.000 đồng theo Giấy hẹn đề ngày 22-4-2017.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Quốc V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc V phải chịu là 10.000.000 đồng. Hoàn trả ông Nguyễn Hồng P tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000344 ngày 02-4-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực

hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương